

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/DS-PT

Ngày 20-02-2023

*V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Mai

*Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Văn Thịnh

Ông Trần Tuấn Vũ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**

Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 456/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Cẩm V, sinh năm 1964; cư trú tại: Số 24B, đường B, khu phố G, phường T1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Hải V1, sinh năm 1978; cư trú tại: Số 226A, tổ 15, khu phố L, phường T1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Ông Trần Văn Hiến T2, Luật sư của Chi nhánh Văn phòng luật sư Nguyễn Văn R, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm V trình bày:*

Do có quen biết nên từ khoảng cuối năm 2019 bà nhiều lần cho bà V1 vay tiền, các lần vay trước đó đều đã trả xong. Tháng 12-2021, bà tiếp tục cho bà V1 vay tiền 04 lần, tổng cộng là 525.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1, ngày 02-12-2021, cho vay số tiền 100.000.000 đồng;

Lần 2, ngày 04-12-2021, cho vay số tiền 200.000.000 đồng;

Lần 3, ngày 07-12-2021, cho vay số tiền 150.000.000 đồng;

Lần 4, ngày 11-12-2021, cho vay số tiền 75.000.000 đồng.

Mục đích bà V1 vay tiền là để cho khách hàng vay lại để đáo hạn ngân hàng vì bà V1 là nhân viên của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Mỗi lần vay bà V1 đều viết và ký tên vào Biên nhận giao cho bà giữ. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tuần. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền nợ gốc/ngày nhưng không có ghi vào biên nhận. Việc cho vay không có thế chấp tài sản gì.

Tuy nhiên, đến nay bà V1 vẫn chưa trả lại tiền nợ gốc cho bà, có tạm ứng cho bà được 40.000.000 đồng tiền lãi vào khoảng tháng 02-2022 và ngưng đến nay. Bà nhiều lần yêu cầu bà V1 trả tiền nhưng bà V1 chỉ hẹn mà không trả.

Bà yêu cầu bà V1 trả cho bà 525.000.000 đồng tiền nợ gốc và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Vì lãi suất hai bên thỏa thuận vượt quá quy định pháp luật nên bà đồng ý tính lại tiền lãi bà V1 đã trả cho bà theo mức 12%/năm, phần vượt quá quy định thì trừ vào tiền nợ gốc bà V1 phải trả cho bà.

*Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Hải V1 trình bày:*

Bà thừa nhận có vay tiền của bà V với số tiền và mức lãi suất theo các Biên nhận như bà V trình bày là đúng. Trước đây bà cũng nhiều lần vay tiền của bà V để kinh doanh trong thời hạn từ 01 tuần đến 02 tuần, có lúc 01 tháng thì trả. Lần vay này bà không trả được tiền cho bà V đúng hạn là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên việc kinh doanh của bà gặp khó khăn. Nhưng ngày 08-01-2022, bà đã tạm ứng cho bà V được 40.000.000 đồng tiền lãi.

Bà đồng ý trả cho bà V số tiền 525.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật, nhưng bà yêu cầu được trả dần mỗi tháng số tiền 10.000.000 đồng. Đồng thời, bà yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an để điều tra hành vi cho vay lãi nặng của bà V.

*\* Tại bản án 83/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Căn cứ Điều 463, Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm V đối với bà Trần Hải V1.

Buộc bà Trần Hải V1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Cẩm V số tiền 536.538.000 đồng (Năm trăm ba mươi sáu triệu năm trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04-10-2022, bị đơn bà Trần Hải V1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử cho bà được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

\* Tại phiên tòa, bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra xử lý hành vi cho vay lãi nặng của bà V.

*\* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:*

Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để làm rõ hành vi cho vay lãi nặng của bà Trần Thị Cẩm V theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bà V nhiều lần cho bà V1 vay tiền với mức lãi suất 144%/năm và trong vụ án này bà V thừa nhận mức lãi cho vay, thừa nhận đã nhận 40.000.000 đồng tiền lãi từ bà V1, là tiền thu lợi bất chính.

*\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Xét kháng cáo cáo bị đơn, thấy rằng: Hai bên đương sự thống nhất về số tiền vay gốc bà V1 còn nợ bà V là 525.000.000 đồng, đã trả được 40.000.000 đồng tiền lãi. Bà V1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bà được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chuyển hồ sơ sang cơ quan công an điều tra vì hành vi cho vay của bà V có đủ dấu hiệu cấu thành “Tội cho vay lãi nặng” quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự, cụ thể: Bà V đã thừa nhận cho vay với mức lãi suất là 144%/năm cao hơn 5 lần mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự và thu lợi bất chính với số tiền 40.000.000 đồng.

Xét yêu cầu trả dần của bà V1 thấy rằng: Việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo định kỳ do các bên tự thỏa thuận nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà V không đồng ý. Việc xem xét cách trả tiền như thế nào sẽ được xử lý ở giai đoạn thi hành án, không thuộc phạm vi xét xử của Tòa án. Do đó, kháng cáo của bà V1 không có căn cứ chấp nhận.

[2] Ngoài ra, bà V1 còn yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền xem xét theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự về hành vi cho vay lãi nặng của bà V. Xét thấy, vụ án không có dấu hiệu tội phạm nên Tòa án không chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[4] Tuy nhiên, về tiền lãi chậm trả đối với hợp đồng vay có lãi và có kỳ hạn cấp sơ thẩm tuyên chưa đúng với hướng dẫn tại điểm a, khoản 1, Điều 13 của Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần điều chỉnh về phần này mà không cần thiết sửa bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bà Trần Hải V1;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Có điều chỉnh cách tuyên án về phần lãi chậm thi hành án.

Căn cứ Điều 463, Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm V đối với bà Trần Hải V1.

Buộc bà Trần Hải V1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Cẩm V số tiền 536.538.000 đồng (Năm trăm ba mươi sáu triệu năm trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Cẩm V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Cẩm V 14.600.000 (Mười bốn triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0026684 ngày 28-6-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Bà Trần Hải V1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 25.462.000 (Hai mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Hải V1 phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0026842 ngày 21-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Bà V1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND. TTN;
- TAND tx. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Tx. Trảng Bàng;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Hồng Mai**